TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 45

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Số 36 viết thành tổng các chục và đơn vị là:

A. 36 = 30 + 7 **B.** 36 = 30 + 6 **C.** 36 = 60 + 3 **D.** 36 = 3 + 6

Câu 2. Từ ba chữ số 0, 2, 5 lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau?

A. 4 **B.** 6 **C.** 3 **D.** 9

Câu 3. Hai số hạng là 39 và 28. Tổng của chúng là:

A. 67 **B.** 68 **C.** 77 **D.** 57

Câu 4. Kết quả của phép tính 66 − 18 + 28 là:

A. 76 **B.** 66 **C.** 83 **D.** 86

Câu 5. 3 dm + 20 cm = ……. cm

A. 49 **B.** 23 **C.** 60 **D.** 50

Câu 6. Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

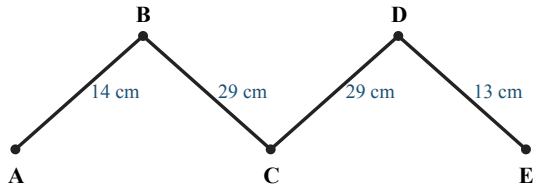

A. 72 cm **B.** 75 cm **C.** 95 cm **D.** 85 cm

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Viết tiếp hai số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 79, 70, 61, 52, ……, ……

b) 88, 77, 66, 55, ……, ……

Bài 2. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 9 chục và 3 đơn vị là: ……

b) Số tròn chục liền sau số 53 là: ……

c) Số lớn nhất có hai chữ số mà tổng hai chữ số bằng 11 là: ……

Bài 3. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) ……. − 39 = 23

b) 82 − ……. = 58

c) ……. + 27 = 43

d) 15 + ……. = 33

Bài 4. Ngày 1 tháng 12 là thứ Sáu. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 19 tháng 12 là thứ …….

b) Tháng 12 năm đó có ……. ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày …….

Bài 5. Quan sát hình vẽ rồi viết số thích hợp vào chỗ chấm:

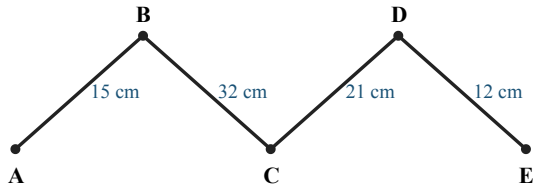

a) Độ dài đường gấp khúc ABCDE là: ……. cm

b) Đổi ra đề-xi-mét: ……. dm

Bài 6. Hà có 36 nhãn vở. Hà cho Vy 18 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Hà 13 nhãn vở. Hỏi lúc này Hà có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Vy, Hà còn: ……. nhãn vở

b) Lúc này Hà có: ……. nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 45

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	B	A	A	A	D	D

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) Bớt 9 mỗi lần: 43, 34

b) Bớt 11 mỗi lần: 44, 33

Bài 2.

a) 93

b) 60

c) 92 (9 + 2 = 11)

Bài 3.

a) 23 + 39 = 62

b) 82 − 58 = 24

c) 43 − 27 = 16

d) 33 − 15 = 18

Bài 4.

a) Đếm thêm từ ngày 1 (thứ Sáu) đến ngày 19: thứ Ba

b) Các ngày Chủ nhật: 3, 10, 17, 24, 31: có 5 ngày

c) Ngày 31

Bài 5.

a) 15 + 32 + 21 + 12 = 80 (cm)

b) 80 cm = 8 dm

Bài 6.

Sau khi cho: 36 − 18 = 18 (nhãn vở)

Lúc này: 18 + 13 = 31 (nhãn vở)